

Bản án số: **92/2018/HNST**
Ngày: 21 – 11 -2018
Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

Ông Nguyễn Văn Chậu.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2018/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 108/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Nguyễn Thành p, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/3/2018, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành p cưới nhau vào năm 2006, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2006. Quá trình chung sống đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc, anh P thường bạo lực gia đình đối với chị, đánh đập gây thương tích cho chị phải đến bệnh viện để điều trị, lúc nào chị cũng lo sợ cuộc sống của mình bị đe dọa, không biết sống chết ngày nào. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay, chị về nhà mẹ ruột sinh sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngân A, sinh ngày 05/8/2008; Nguyễn Quốc A, sinh ngày 07/6/2011. Hiện tại con chung đang sống anh P. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thị Ngân A, cháu Nguyễn Quốc A để anh P nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng lẫn nhau. Nhưng tại phiên Tòa, chị đồng ý để 02 con chung cho anh P nuôi và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng/01 cháu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Nguyễn Thành p là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành p vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: xét thấy vợ chồng chị T và anh P đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc, anh P thường có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập hành hung vợ, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay, nhưng anh P không có tác động gì thể hiện muốn hàn gắn tình cảm với chị T, Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần nhưng anh P vẫn không đến, chứng tỏ anh P đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ.

+ Về con chung: Có 02 chung đang sống với anh P, đối với cháu Nguyễn Thị Ngân A, sinh ngày 05/8/2008 có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Nguyễn Quốc A,

sinh ngày 07/6/2011 có nguyện vọng sống cha. Xét thấy con chung của anh và chị đã từ đủ 07 tuổi trở lên và 01 cháu có nguyện vọng sống với mẹ, 01 cháu có nguyện vọng sống với cha. Trước đây chị T có yêu cầu nuôi cháu Ngân A, nhưng tại phiên Tòa chị đồng ý giao 02 con chung cho anh P nuôi, vì hiện hoàn cảnh chị cũng còn khó khăn, trong khi gia đình anh P chăm sóc 02 cháu tốt, cho ăn học đầy đủ, và từ trước đến nay 02 con chung sống chung với nhau, nay nếu tách rời 02 cháu ra thì cũng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của 02 con chung, nên chị T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung cũng là phù hợp quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng/1 cháu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

* Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh P. Chị T được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngân A, sinh ngày 05/8/2008 và con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 07/6/2011 cho anh Nguyễn Thành p nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh P mỗi tháng là 500.000 đồng/01 cháu cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh **tụng** tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành p đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thành p cưới nhau vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre vào năm 2006 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P được công nhận là hợp pháp.

[3]. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P, do anh P vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của chị T đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh và chị đã không còn hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc, anh P thường có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập gây thương tích cho chị T phải đến bệnh viện điều trị, thường xuyên đe dọa, vì vậy lúc nào chị T cũng lo sợ. Hiện vợ chồng chị đã không còn sống chung, chị về nhà mẹ ruột ở và đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị T và anh P đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời chị T và anh P để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh P đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

[4]. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P.

[5] *Về con chung:* Quá trình chung sống chị T và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngân A, sinh ngày 05/8/2008; Nguyễn Quốc A, sinh ngày 07/6/2011. Hiện tại 02 con chung đang sống anh P. Khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh P nuôi.

[6]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Ngân A và cháu Quốc A, xét thấy từ trước đến nay 02 cháu đều sống với anh P, tại Tòa chị T thừa nhận 02 cháu sống chung với gia đình anh P được chăm sóc tốt, cho ăn học đầy đủ và anh P không đồng ý giao 02 con chung cho chị nuôi, mà để anh nuôi, và hoàn cảnh của chị hiện cũng còn khó khăn, nên chị đồng ý để 02 con chung cho anh P nuôi dưỡng, vì vậy mặc dù theo nguyện vọng của cháu Ngân A là được sống với chị T, nhưng để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, và không chia rẽ 02 chị em với nhau, vì từ trước đến nay 02 cháu đều sống chung với nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là để cháu Ngân A và cháu Quốc A cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Quốc A, và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên Tòa, ghi nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng cho anh P nuôi con chung mỗi tháng là 500.000 đồng/01 cháu, điều này cũng là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 82, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. *Về tài sản chung*: Chị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Về nợ chung*: Chị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[10]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí*:

[11]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[13]. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Thành p.

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thành p.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thành p chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Ngân A, sinh ngày 05/8/2008 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 07/6/2011 cho anh Nguyễn Thành p trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Lê Thị T phải đóng góp nuôi con với anh Nguyễn Thành p số tiền 500.000 đồng/tháng/01 cháu (Năm trăm nghìn đồng một tháng đối với một cháu). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 21/11/2018 cho đến khi 02 cháu Nguyễn Thị Ngân A, Nguyễn Quốc A thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh P trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116, Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con:

Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng án phí chị Lê Thị T phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015057 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Lê Thị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Thành p vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên